

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2022/HC-PT

Ngày: 09/9/2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;
Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Đức Thăng - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 267/2021/TLPT-HC ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2021/HC-ST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8108/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Thế V; địa chỉ: Tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Hải Y; địa chỉ: Tổ B, khu I, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2020). Vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: số B B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N - Phó Chủ tịch UBND thành phố H (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Đặng Quốc H - Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường thành phố H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Văn T - Phó Chủ tịch UBND phường C. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T - Phó Chủ tịch UBND phường C (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/11/2020). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Công ty cổ phần X.

Địa chỉ: số D đường C, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Trung N1 - Giám đốc công ty. Vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: Tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Hải Y; địa chỉ: Tổ B, khu I, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 12 năm 2020). Vắng mặt.

3.4. Chị Phạm Thị H1; địa chỉ: Tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Hải Y; địa chỉ: Tổ B, khu I, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 12 năm 2020). Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Xuân H2; địa chỉ: Tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

4.2. Ông Hoàng Tân V1; Địa chỉ: Tổ E, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

4.3. Ông Hoàng Văn T1; Địa chỉ: số nhà E, tổ B, khu D, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Gia đình ông Phạm Thế V sinh sống tại khu tập thể của Công ty cổ phần X (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng từ năm 1980 và nằm sát mặt đường giao thông, giáp ranh giới phần đất của Công ty. Khu tập thể này đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ninh đồng ý cho Công ty xây cho cán bộ,

công nhân viên Công ty ở, sinh sống để đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đồng thời Công ty đã sắp xếp, bố trí các cán bộ, công nhân trong Công ty được sử dụng nhà ở tại khu tập thể này để sinh hoạt, ổn định cuộc sống. Sau một thời gian khu tập thể xuống cấp, hộ gia đình ông V cùng với các hộ khác trong khu tập thể phải tự bỏ tiền ra để phá dỡ đầu tư xây dựng lại. Năm 2014, thành phố H đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 337, các hộ gia đình ở đây phải tự bỏ tiền đập phá thu hẹp lại chiều dài của các ngôi nhà. Diện tích sử dụng của mỗi hộ còn lại rất ít và chật hẹp nhưng vì hộ gia đình ông V và các hộ tập thể khác đều là công nhân của Công ty không đủ điều kiện mua đất, mua nhà chỗ khác nên đã cố gắng khắc phục, sửa chữa để sinh sống. Ngày 08/8/2020, ông V nhận được Quyết định số 590/QĐ-KPHQ (sau đây viết tắt là Quyết định số 590) của Chủ tịch UBND thành phố H về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó có nêu hộ ông V đã có hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị và buộc hộ ông Phạm Thế V phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất đã chiếm. Ngày 14/8/2020, bà Đàm Thị P đã đại diện cho 12 hộ gia đình đang sinh sống trong khu tập thể của Công ty xin xác nhận về sự việc nêu trên. Ông Hoàng Văn T1, ông Nguyễn Xuân H2, ông Hoàng Tân V1 (nguyên là giám đốc Công ty giai đoạn từ năm 1981-2000) đã xác nhận những nội dung trên là đúng sự thật, khu nhà tập thể Công ty không nằm trong quy hoạch và không lấn chiếm đất công.

Do không có căn cứ để cho rằng có hành vi vi phạm hành chính về việc chiếm đất của hộ gia đình ông V nên không có căn cứ để Chủ tịch UBND thành phố H ra Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ ông V theo quy định tại các Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 75, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy ông Phạm Thế V khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 590 của Chủ tịch UBND thành phố H và yêu cầu UBND thành phố H thực hiện các thủ tục thu hồi đất và lập phương án bồi thường theo quy định của pháp luật.

** Tại văn bản ý kiến, bản tự khai, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có quan điểm:*

Công ty cổ phần X được UBND tỉnh Q cho thuê đất xây dựng công trình Trụ sở và xưởng sản xuất tại phường C theo Quyết định số: 2872/QĐ-UBND ngày 06/11/1996 của UBND tỉnh Q và được gia hạn thuê đất tại Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 theo hình thức trả tiền hàng năm.

Ngày 15/6/2020, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 về việc thu hồi 9.916,2m² đất Trụ sở làm việc và xưởng sản xuất tại phường C, thành phố H của Công ty giao cho UBND thành phố H quản lý. Ngày 22/9/2020, Sở T2 đã làm thủ tục bàn giao 9.916,2m² đất thu hồi của Công ty tại thực địa cho UBND thành phố H quản lý.

Quá trình sử dụng đất, kết quả xử lý vi phạm của gia đình ông Phạm Thế V như sau: Ông V được Công ty bố trí cho ở gian tập thể nằm trong ranh giới Công ty thuê đất theo Quyết định 413/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Q. Sau khi hết hạn thuê đất theo Quyết định 413/QĐ-UBND ngày

30/01/2019 của UBND tỉnh Q, Công ty làm thủ tục trả đất, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 65 Luật đất đai năm 2013: “*Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người*”:

1. Các trường hợp thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người bao gồm:

a) Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất; người sử dụng đất thuê của Nhà nước trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất”.

Sau khi UBND tỉnh Q thu hồi đất và giao UBND thành phố H quản lý, UBND thành phố H đã tổ chức kiểm tra và tổ chức giải tỏa các công trình trên đất, trong đó có hộ ông V đã có hành vi chiếm đất tại phần diện tích trước kia thuộc ranh giới Công ty quản lý để ở. Ngày 8/8/2020, UBND phường C lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với ông Phạm Thế V với hành vi vi phạm: Chiếm đất phi nông nghiệp ở khu vực đô thị với diện tích 29,2m², thời điểm chiếm đất năm 2014. Hành vi trên đã vi phạm: điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ: “*4. Trường hợp lấn, chiếm đất phi nông nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích đất lấn, chiếm dưới 0,05 héc ta*”.

Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định: “*5. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này) tại khu vực đô thị thì mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với loại đất tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và mức phạt tối đa không quá 500.000.000 đồng đối với cá nhân, không quá 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức*”.

Do hành vi vi phạm đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, do vậy áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, nên UBND phường C đã hoàn thiện hồ sơ trình UBND thành phố xem xét.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ: “*7. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này*”. Ngày 8/8/2020, ông Nguyễn Việt H3 - Phó chủ tịch UBND thành phố H đã ký ban hành Quyết định số 590/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông V: Buộc ông Phạm Thế V phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm.

Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP: “2. *Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép*”. Hộ ông Phạm Thế V đã chiếm đất UBND tỉnh Q thu hồi, giao cho UBND thành phố H quản lý, không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông V. Hộ ông V không phải đối tượng thu hồi đất (đối tượng thu hồi đất là Công ty), Chủ tịch UBND thành phố Quyết định biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Thế V là đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H có *quan điểm*:

Ông Phạm Thế V là cán bộ công nhân Công ty được Công ty cho ở gian tập thể nằm trong ranh giới Công ty thuê đất theo Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Q. Công ty cổ phần X được quyền thuê và quản lý sử dụng tổng diện tích 9916,2m² (có sơ đồ, bản đồ hiện trạng). Sau khi hết hạn thuê đất theo Quyết định số 413/QĐ-UBND, Công ty đã làm thủ tục trả đất. Trên cơ sở đơn xin tự nguyện trả lại đất của Công ty và kết quả thẩm tra hồ sơ trả lại đất của Sở T2, ngày 15/6/2020, UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 1994/QĐ-UBND về việc thu hồi 9.916,2 đất Tru sở làm việc và xưởng sản xuất tại phường C, thành phố H của Công ty, giao cho UBND thành phố H quản lý.

Sau khi UBND tỉnh Q thu hồi đất và giao UBND thành phố H quản lý, UBND thành phố H đã tổ chức kiểm tra và tổ chức giải tỏa các công trình trên đất, trong đó có hộ ông Phạm Thế V có hành vi chiếm đất tại phần diện tích trước kia thuộc ranh giới Công ty quản lý để ở. Ngày 8/8/2020, UBND phường C lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với ông Phạm Thế V với hành vi vi phạm: Chiếm đất phi nông nghiệp ở khu vực đô thị. Diện tích đất chiếm là: 6,3m x 4,8m = 30,24m², thời điểm chiếm đất năm 2014. Do hành vi vi phạm đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, do vậy áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, nên UBND phường C đã hoàn thiện hồ sơ trình UBND thành phố xem xét là đảm bảo đúng quy định. UBND phường C chưa phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế thì hộ gia đình ông V đã di chuyển, UBND phường C cũng không áp dụng chính sách hỗ trợ gì đối với hộ gia đình ông V.

- Công ty cổ phần X có *quan điểm*: Công ty được UBND tỉnh Q cho thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc và xưởng sản xuất tại địa chỉ số D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 2872/QĐ/UB ngày 06/11/1996 của UBND tỉnh Q và Hợp đồng thuê đất số 60/HĐ-TĐ ngày 11/11/996 giữa Công ty và Sở Địa chính tỉnh Q, theo đó thời gian thuê đất là 20 năm kể từ ngày 06/11/1996. Ngày 07/7/2003 Công ty được UBND tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) số X 335907, số vào sổ 836/QSDD. Sau khi hết thời hạn thuê đất, ngày 06/11/2016 Công ty được UBND tỉnh Q cho gia hạn thuê đất (lần 1) để xây dựng trụ sở làm việc và xưởng sản xuất theo Quyết định 2516/QĐ-UB ngày 08/8/2016 và Hợp đồng thuê đất số 489/HĐ-TĐ ngày 14/12/2017. Thời hạn gia hạn thuê đất là 02 năm, hết hạn thời

gian thuê đất ngày 06/11/2018. Ngày 30/01/2019, UBND tỉnh Q ra Quyết định số 412/QĐ-UBND đồng ý cho Công ty được gia hạn thuê đất (lần 2) theo Hợp đồng thuê đất số 172/HĐTĐ, hết hạn thời gian thuê đất ngày 06/11/2020. Trong quá trình đó Công ty có xây dựng khu tập thể để tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên của Công ty được ổn định chỗ ở, tạo cho người lao động cuộc sống ổn định để yên tâm công tác. Nguồn gốc khu tập thể của Công ty được xây dựng từ năm 1980 từ khi Công ty vẫn còn là doanh nghiệp Nhà nước. Công ty đã bố trí cho cán bộ công nhân viên ở khu tập thể nằm trong ranh giới Công ty thuê đất trong đó có hộ ông V. Việc bố trí, bàn giao nhà ở cho cán bộ công nhân viên khu tập thể nói chung và ông V nói riêng có thể hiện bằng văn bản tuy nhiên do Công ty đã trải qua nhiều thời kỳ lãnh đạo, giấy tờ quá lâu, thất lạc và chuyển dời cơ sở sản xuất nên hiện nay Công ty không còn lưu trữ được những văn bản đó. Đất khu tập thể là của Công ty và Công ty có đóng thuế đầy đủ hàng năm cho Nhà nước.

Ngày 18/6/2020 Công ty nhận được Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Q về việc thu hồi 9916,2m² đất trụ sở làm việc và xưởng sản xuất của Công ty, thời gian trả lại đất sạch cho Nhà nước trước ngày 31/7/2020. Thực hiện Quyết định số 1994/QĐ-UBND của UBND tỉnh Q, Công ty đã tiến hành tháo dỡ di dời nhà xưởng và bàn giao mặt bằng cùng toàn bộ giấy tờ bản gốc cho cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy Công ty không có ý kiến gì đối với Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố H về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông V. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị S và chị Phạm Thị H1: Có cùng quan điểm với ông Phạm Thế V, yêu cầu Tòa án tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 590 của Chủ tịch UBND thành phố H.

* *Những người làm chứng Ông Nguyễn Xuân H2, ông Hoàng Tân V1 và ông Hoàng Văn T1 cùng có quan điểm:* Khu tập thể của Công ty được xây dựng từ năm 1980 trên phần đất do Công ty quản lý tại thời điểm đó để bố trí cho cán bộ công nhân viên trong Công ty ở. Phần đất xây dựng khu nhà tập thể giáp mặt đường giao thông. Qua một thời gian ở thì khu tập thể xuống cấp, các hộ gia đình ở đây đã sửa chữa nâng cấp lại. Đến năm 2014 khi tuyến đường tỉnh lộ 337 được nâng cấp mở rộng thì các hộ gia đình ở đây đã phải tự sửa chữa thu hẹp lại chiều dài của các gian nhà. Tháng 8/2020, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành các quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với hộ ông V. Tại Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do UBND phường C lập ngày 08/8/2020 xác định ông V đã có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị từ năm 2014. Như vậy biên bản vi phạm hành chính đã xác định không đúng vì các hộ dân hoàn toàn không có hành vi lấn chiếm đất cũng như thời điểm sử dụng đất từ năm 1980 chứ không phải đến năm 2014 mới có hành vi lấn chiếm đất theo nội dung biên bản vi phạm hành chính mà UBND phường C lập. Do Biên bản vi phạm hành chính có nội dung sai với thực tế dẫn đến việc ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là trái với quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 19/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thế V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 590/QĐ-KPHQ ngày 08/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H và yêu cầu UBND thành phố H thực hiện các thủ tục thu hồi đất, lập phương án bồi thường theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/5/2021, người khởi kiện là ông Phạm Thế V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Phạm Thế V và người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Phạm Thế V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Phạm Thế V khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 590 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ gia đình ông Phạm Thế V là quyết định hành chính bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, toàn bộ người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, tuy nhiên họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ quy định tại Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét kháng cáo của ông Phạm Thế V, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 590:

Quyết định số 590 của Chủ tịch UBND thành phố H được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29, Điều 57 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành và tính hợp pháp về nội dung của Quyết định số 590:

Công ty cổ phần X được UBND tỉnh Q cho thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc và xưởng sản xuất tại địa chỉ số D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 2872/QĐ/UB ngày 06/11/1996 và Hợp đồng thuê đất số 60/HĐ-TĐ ngày 11/11/1996, thời gian thuê đất là 20 năm kể từ ngày 06/11/1996. Ngày 07/7/2003 Công ty được UBND tỉnh Q cấp GCNQSD đất.

Sau khi hết thời hạn thuê đất, ngày 06/11/2016 Công ty được UBND tỉnh Q cho gia hạn thuê đất (lần 1) để xây dựng trụ sở làm việc và xưởng sản xuất theo Quyết định số 2516/QĐ-UB và Hợp đồng thuê đất số 489/HĐ-TĐ, thời hạn gia hạn thuê đất là 02 năm, hết hạn thời gian thuê đất ngày 06/11/2018.

Sau khi hết thời hạn gia hạn thuê đất lần 1, ngày 30/01/2019 Công ty UBND tỉnh Q cho gia hạn thuê đất (lần 2) theo Quyết định số 412/QĐ-UBND và Hợp đồng thuê đất số 172/HĐTĐ, thời hạn gia hạn thuê đất là 02 năm, hết hạn thời gian thuê đất ngày 06/11/2020.

Trong quá trình thuê đất, Công ty đóng thuê đầy đủ hàng năm cho Nhà nước và có xây dựng khu tập thể nằm trong ranh giới Công ty thuê đất để tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên của Công ty được ổn định chỗ ở, yên tâm công tác, trong đó có hộ ông V. Việc bố trí, bàn giao nhà ở cho cán bộ công nhân viên khu tập thể có thể hiện bằng văn bản tuy nhiên vì lý do khách quan nên hiện nay Công ty không còn lưu trữ được những văn bản đó.

Khu tập thể được xây dựng sát với đường tỉnh lộ 337, khi được UBND tỉnh cho thuê đất năm 1996 thì một phần diện tích của khu nhà tập thể nằm trong hành lang giao thông của đường tỉnh lộ 337, do đó khi công ty thuê đất đã phải trừ đi phần diện tích đất (một phần khu nhà tập thể) nằm trong hành lang đường bộ do nhà nước quản lý. Nhưng khu nhà tập thể vẫn do công ty quản lý.

Năm 2014, thành phố H đầu tư mở rộng, nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 337, các hộ gia đình ở khu tập thể trong đó có hộ gia đình ông V phải tháo dỡ một phần công trình trên đất và không được bồi thường, hỗ trợ. Tại thời điểm đó gia đình ông V không có ý kiến gì, tự nguyện tháo dỡ.

Sau khi hết hạn gia hạn thuê đất lần 2, Công ty có đơn xin tự nguyện trả lại đất, trên cơ sở đơn xin tự nguyện trả lại đất của Công ty và kết quả thẩm tra hồ sơ trả lại đất của Sở T2, ngày 15/6/2020 UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1994/QĐ-UBND về việc thu hồi 9916,2m² đất trụ sở làm việc và xưởng sản xuất của Công ty, giao cho UBND thành phố H quản lý, thời gian trả lại đất sạch cho Nhà nước trước ngày 31/7/2020. Thực hiện Quyết định số 1994/QĐ-UBND của UBND tỉnh Q, Công ty đã tiến hành tháo dỡ di dời nhà xưởng và bàn giao mặt bằng cùng toàn bộ giấy tờ bản gốc cho cơ quan có thẩm quyền.

Thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn, UBND thành phố H đã tổ chức kiểm tra và tổ chức giải tỏa các công trình trên đất, trong đó có hộ gia đình ông V. Ngày 08/8/2020, UBND phường C tiến hành kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với hộ ông V với hành vi vi phạm: Chiếm đất phi nông nghiệp ở khu vực đô thị với diện tích 30,24m², thời điểm chiếm đất năm 2014. Hành vi chiếm đất tại phần diện tích trước đây thuộc ranh giới công ty quản lý để ở, vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do hành vi vi phạm đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, UBND phường C đã hoàn thiện hồ sơ trình UBND thành phố H xem xét. Cùng ngày 08/8/2020, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 590/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ ông V: Buộc hộ ông V phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm. Hộ gia đình ông V đã tự nguyện di chuyển.

Như vậy, khu nhà tập thể, trong đó có nhà đất của gia đình ông V sử dụng không đủ điều kiện thanh lý theo quy định và cũng không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất, không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông V; hộ gia đình ông V không phải đối tượng thu hồi đất, do đó không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Vì vậy, Quyết định số 590/QĐ-KPHQ ngày 08/8/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H được ban hành là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 28, Điều 65, Điều 85 của Luật xử lý vi phạm hành chính, về nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên yêu cầu khởi kiện của ông V về yêu cầu hủy Quyết định số 590 của Chủ tịch UBND thành phố H và yêu cầu UBND thành phố H thực hiện các thủ tục thu hồi đất và lập phương án bồi thường theo quy định của pháp luật là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông V không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của ông V và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Phạm Thế V. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Ông Phạm Thế V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông V đã nộp tại biên lai số 0002417 ngày 09/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền